TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 14** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2025/DS-ST
Ngày: 25- 9- 2025
V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hoa

Ông Lê Ngọc Phi

-***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Phương Ảnh- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14- Thành phố Hồ Chí Minh

-***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 14- Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Bà Trần Thị Minh Nguyệt- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 09 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14- Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 456/2024/TLST-DS ngày 05 tháng 11 năm 2024 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73A/2025/QĐXXST- DS ngày 15/8/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 56A/2025/QĐST-DS ngày 04 tháng 09 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần S

Địa chỉ trụ sở chính: Số 266- 268 N, phường V, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Số 266- 268 N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh N, Chức vụ: Quyền Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Chề Ngọc S, Chức vụ: Phó Giám đốc Chi nhánh Kiêm Trưởng phòng giao dịch Ngân hàng Thương mại cổ phần S- Chi nhánh Bà Rịa- Phòng giao dịch Châu Đức.

Địa chỉ: Số 309A đường H, thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu (nay là Số 309A đường H, xã N, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo ủy quyền lại: Bà Phạm Thị Mỹ N, sinh năm 1989 (có mặt)

Địa chỉ: Số 309A đường H, thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu (nay là Số 309A đường H, xã N, Thành phố Hồ Chí Minh).

- *Bị đơn:* Ông Đỗ Minh T, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Căn cước công dân số: 077074001364 cấp ngày 04/12/2019 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: Tổ 1, thôn S, xã X, huyện C, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu (nay là xã X, Thành phố Hồ Chí Minh).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 20/8/2018 ông T có ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần S- Phòng giao dịch Châu Đức hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của ông T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất 19.2%/năm (lãi suất trong hạn). Khách hàng được sử dụng thẻ linh hoạt trong hạn mức tín dụng được cấp, khách hàng được rút và trả tiền quay vòng nhiều lần. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, trong suốt quá trình sử dụng thẻ tín dụng ông T đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền 92.000.000 đồng, lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 25 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ông T phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 27 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành thẻ tín dụng của Ngân hàng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, ông T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 113.318.288 đồng.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông T vi phạm hợp đồng, ngày 22/4/2024 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ Dư nợ ông T theo quy định của S (Điều 26 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S) và áp dụng lãi suất nợ quá hạn năm là 26.59% * 150%= 39.885% tương đương lãi quá hạn 01 tháng là 3.324% trên số tiền nợ quá hạn này (lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm quá hạn). Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 26 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên Ngân hàng yêu cầu ông T trả số tiền còn thiếu tính đến ngày 25/9/2025 là 65.976.031 đồng. Cụ thể: Nợ gốc là 41.754.283 đồng; Nợ lãi quá hạn là 24.221.748 đồng

Mặc dù, Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc nhưng ông T vẫn không trả nợ cho Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng Thương mại cổ phần S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông Đỗ Minh T phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 25/9/2025 là 65.976.031 đồng. Cụ thể: Nợ gốc là 41.754.283 đồng; Nợ lãi quá hạn là 24.221.748 đồng.

- Và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi, phí phát sinh từ ngày 26/9/2025 cho đến khi trả nợ xong theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

2. Đối với bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như xét xử tại Tòa, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn ông Đỗ Minh T vắng mặt, không lên Tòa án làm việc.

Theo kết quả tại Biên bản xác minh ngày 20/11/2024 tại Công an xã X, huyện C, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu (nay là Công an xã X, Thành phố Hồ Chí Minh) thì được biết ông Đỗ Minh T có hộ khẩu thường trú tại Tổ 8, thôn S, xã X, huyện C, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu (nay là xã X, Thành phố Hồ Chí Minh). Hiện nay, ông T không thực tế sinh sống tại địa phương, đi đâu không rõ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14- Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng và quan điểm giải quyết trong vụ án:

Về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Tòa án nhân dân khu vực 14- Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý vụ án đúng theo thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật về nội dung tranh chấp, thu thập chứng cứ đầy đủ và xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự. Hội đồng xét xử thực hiện đúng nguyên tắc xét xử trong phiên tòa sơ thẩm. Về thời hạn chuẩn bị xét xử: không đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử theo Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự nên cần rút kinh nghiệm.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt, vi phạm quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Đỗ Minh T phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền (tạm tính đến hết ngày 25/9/2025) là 65.976.031 đồng, theo Giấy Đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 20/8/2018 và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Trong đó: Nợ gốc là 41.754.283 đồng; Nợ lãi quá hạn là 24.221.748 đồng và đề nghị bị đơn có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 26/9/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Về án phí: Ông Đỗ Minh T phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý

kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14- Thành phố Hồ Chí Minh, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng*:*

[1.1] Ngân hàng Thương mại cổ phần S khởi kiện yêu cầu ông Đỗ Minh T phải trả số tiền vay chưa thanh toán theo Giấy Đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 20/8/2018 đã ký giữa hai bên nên đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp về Hợp đồng tín dụng"; Nơi cư trú của ông Đỗ Minh T là Tổ 8, thôn S, xã X, huyện C, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu (nay là xã X, Thành phố Hồ Chí Minh) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 14- Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án (sửa đổi, bổ sung Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự).

[1.2] Tại phiên tòa, Tòa án đã triệu tập ông Đỗ Minh T hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Đỗ Minh T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ông Đỗ Minh T đã ký kết với Ngân hàng Thương mại cổ phần S Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng bao gồm: Giấy Đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 20/8/2018 và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần S và ông Đỗ Minh T.

Xét thấy, sự thỏa thuận của đương sự trong các Hợp đồng trên là tự nguyện, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật nên thỏa thuận này có giá trị pháp lý.

[2.2] Căn cứ thu nhập của ông Đỗ Minh T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất 19.2%/năm (lãi trong hạn). Ông T được sử dụng thẻ linh hoạt trong hạn mức tín dụng được cấp, được rút và trả tiền quay vòng nhiều lần. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, trong suốt quá trình sử dụng thẻ tín dụng ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 92.000.000 đồng. Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 25 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng). Ông T phải chịu các khoản phí theo quy định tại Điều 27 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Từ ngày kích hoạt thẻ cho đến nay, ông T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 113.318.288 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm). Do ông T vi phạm hợp đồng nên ngày 22/4/2024 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ, và chuyển toàn bộ dư nợ của ông T theo quy định của Ngân hàng và áp dụng lãi suất nợ quá hạn tại Điều 26 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành thẻ tín dụng của Ngân hàng.

[2.3] Tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 20/8/2018, ông T đã cam kết: *"Bằng việc ký tên vào giấy đề nghị này, Tôi/chúng tôi xác nhận rằng đã đọc và đồng ý bị ràng buộc bởi Điều Khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của S. Điều Khoản và Điều kiện cùng với giấy đề nghị tạo thành Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng giữa hai bên. Tôi/Chúng tôi chịu trách nhiệm đối với các nghĩa vụ và trách nhiệm phát sinh từ hoặc liên quan đến việc phát hành và sử dụng thẻ tín dụng đã được cấp. Tôi/chúng tôi cam kết việc kích hoạt thẻ và Pin theo các phương thức mà S áp dụng theo từng thời kỳ (bao gồm nhưng không giới hạn việc liên hệ các địa điểm giao dịch của S, TT.DVKH của S, gửi tin nhắn SMS từ số điện thoại tôi đã đăng ký, kích hoạt thẻ qua kênh ngân hàng điện tử, qua ATM S, qua các ứng dụng S hoặc các hình thức tương tự) sẽ do chính tôi thực hiện và tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với các giao dịch phát sinh sau thời điểm kích hoạt thẻ. Khi đó, S hiểu rằng Tôi/Chúng tôi đã nhận được thẻ và S không chịu trách nhiệm đối với thẻ đã kích hoạt. Tôi/Chúng tôi có nghĩa vụ thanh toán dư nợ đầy đủ và đúng hạn theo yêu cầu của S;…".*

Bằng việc ký vào giấy đề nghị này, ông T đồng ý việc Ngân hàng Thương mại cổ phần S chủ động xem xét cấp hạn mức và phát hành thẻ tín dụng với hạn mức, thời hạn, lãi suất, phí, …theo quy định của Ngân hàng S. Khi kích hoạt thành công thẻ tín dụng thì ông T đồng ý với việc sử dụng thẻ tín dụng và cam kết tuân thủ đầy đủ các quy định tại giấy đề nghị này, các Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và các văn bản có giá trị tương đương. Và ngân hàng đã áp dụng lãi suất 19.2%/năm là phù hợp với Biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ tín dụng S tại cùng thời điểm và quy định của Thông tư 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng nhà nước quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng, Điều 91 Luật tổ chức tín dụng và Điều 7 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 22/4/2024 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và áp dụng lãi suất quá hạn đối với toàn bộ Dư nợ theo quy định của Ngân hàng S. Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 41.754.283 đồng làm nợ gốc. Áp dụng lãi suất quá hạn là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm chuyển quá hạn. Việc quy định này phù hợp điểm g Điều 13, Điều 15 Thông tư 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam và tại mục 1, 13, 20, 26, mục 1.11 của Bản Điều Khoản và Điều kiện Phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Về Lãi suất quá hạn: Ngân hàng đã tính theo đúng quy định.

Từ phân tích trên, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S đối với ông Đỗ Minh T. Buộc ông Đỗ Minh T phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền (tạm tính đến ngày xét xử là ngày 25/9/2025) là 65.976.031 đồng (sáu mươi lăm triệu chín trăm bảy mươi sáu ngàn không trăm ba mươi mốt đồng), trong đó: Dư nợ là 41.754.283 đồng và nợ lãi

quá hạn: 24.221.748 đồng; theo Giấy Đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 20/8/2018 của Ngân hàng; Bản Điều Khoản và Điều kiện Phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần S và ông Đỗ Minh T. Và ông T có trách nhiệm thanh toán khoản lãi, phí phát sinh từ ngày 26/9/2025 cho đến khi trả nợ xong theo lãi suất theo thỏa thuận được quy định tại Hợp đồng.

[3] Về án phí: Ông Đỗ Minh T phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả cho Ngân hàng được Tòa án chấp nhận là 3.298.802 đồng *(ba triệu hai trăm chín mươi tám ngàn tám trăm lẽ hai đồng)*.

Ngân hàng Thương mại cổ phần S không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.176.000 đồng *(một triệu một trăm bảy mươi sáu ngàn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001476 ngày 04/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu (nay là Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466 Bộ luật dân sự; Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án (sửa đổi, bổ sung Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự); Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7, 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Thông tư 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng nhà nước; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S (S) đối với bị đơn Đỗ Minh Tâm về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng".

Buộc ông Đỗ Minh T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S (S) tổng số tiền (tạm tính đến ngày 25/9/2025) là 65.976.031 đồng (sáu mươi lăm triệu chín trăm bảy mươi sáu ngàn không trăm ba mươi mốt đồng), trong đó: Dư nợ là 41.754.283 đồng và nợ lãi quá hạn là 24.221.748 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 25/9/2025) cho đến khi thi hành án xong, ông Đỗ Minh T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo Giấy Đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 20/8/2018 của Ngân hàng; Bản Điều Khoản và Điều kiện Phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần S và ông Đỗ Minh T cho đến khi trả hết nợ nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Ông Đỗ Minh T phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.298.802 đồng *(ba triệu hai trăm chín mươi tám ngàn tám trăm lẽ hai đồng).*

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.176.000 đồng *(một triệu một trăm bảy mươi sáu ngàn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001476 ngày 04/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu (nay là Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn này được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh để xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Trần Thị Hồng Hạnh

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND KV14- TP. Hồ Chí Minh;
- Thi hành án Dân sự TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS KV14- TP. Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.